UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:5067/SKHCN-VP V/v báo giá cung cấp dịch vụ tư vấn	*Hải Phòng, ngày* 19 *tháng 10 năm 2026*

Kính gửi: Các tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị có chức năng, năng lực cung cấp dịch vụ theo yêu cầu.

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số; Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 39/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập và quản lý chi phí trong hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Kế hoạch số 359/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về chuyển đổi số thành phố Hải Phòng năm 2026; văn bản số 1999/UBND-VX ngày 07/9/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục III kèm theo Kế hoạch số 359/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về chuyển đổi số thành phố Hải Phòng năm 2026 (lần 2);

Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng có nhu cầu tiếp nhận báo giá dịch vụ công nghệ để tham khảo, tổng hợp thông tin về giá, làm cơ sở xác định chi phí, lập dự toán đối với nhiệm vụ: "Trang bị đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với đường truyền kết nối mạng có băng thông rộng, thực hiện kết nối Internet có kiểm soát tại cấp tỉnh và từng bước thực hiện tại cấp xã (*Đầu tư thiết bị kết nối Internet có kiểm soát tại các cơ quan đảng trực thuộc Thành ủy, giai đoạn 1*)". với các thông tin cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ: Số 1 Phạm Ngũ Lão, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng.

2. Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá

- Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng.

- Người nhận: Nguyễn Ngọc Hải

- Số điện thoại: 0904.156.956

- Email: ngochai049@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày ký

5. Hồ sơ báo giá gồm:

- Bảng báo giá theo mẫu tại các Phụ lục kèm theo Công văn này;

- Hồ sơ giới thiệu năng lực của đơn vị và thông tin liên hệ;

- Các tài liệu khác có liên quan đến nội dung báo giá (nếu có).

Đơn vị có thể cung cấp báo giá đối với một hoặc nhiều dịch vụ nêu tại Mục II Công văn này. Trường hợp báo giá đồng thời nhiều dịch vụ, đề nghị thể hiện riêng giá trị báo giá của từng dịch vụ; các khoản chi phí dùng chung (nếu có) phải được xác định, phân bổ phù hợp, bảo đảm không tính trùng chi phí.

6. Thời gian tiếp nhận báo giá: Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Công văn này. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính
1	Tư vấn quản lý dự án	1	Gói
2	Tư vấn khảo sát và lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	1	Gói
3	Tư vấn thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	1	Gói
4	Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT	1	Gói
5	Thẩm định E-HSMT và thẩm định KQLCNT	1	Gói
6	Tư vấn giám sát công tác triển khai	1	Gói
7	Thẩm định giá	1	Gói

(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)

Các đơn vị quan tâm vui lòng báo giá đã bao gồm tất cả các thuế, phí, chi phí thực hiện nhiệm vụ gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng.

Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Các đơn vị;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng CNTT, TTTT;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Đại Thắng

PHỤ LỤC 1
THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

(Kèm theo công văn số: /SKHCN-VP ngày tháng năm 2026)

1. Tên dự án: Trang bị đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với đường truyền kết nối mạng có băng thông rộng, thực hiện kết nối Internet có kiểm soát tại cấp tỉnh và từng bước thực hiện tại cấp xã (Đầu tư thiết bị kết nối Internet có kiểm soát tại các cơ quan đảng trực thuộc Thành ủy, giai đoạn 1).

2. Mục tiêu:

- Xây dựng hệ thống kết nối Internet có kiểm soát tại các cơ quan Đảng trực thuộc Thành ủy, bảo đảm khả năng quản lý tập trung, giám sát và kiểm soát hoạt động truy cập Internet theo yêu cầu quản lý và sử dụng của các đơn vị.

- Nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng thông qua việc trang bị hệ thống tường lửa và các thiết bị mạng chuyên dụng, tăng cường khả năng bảo vệ hệ thống trước các nguy cơ mất an toàn thông tin trong quá trình kết nối, khai thác Internet.

- Hoàn thiện hạ tầng mạng tại Văn phòng Thành ủy và 02 Ban Đảng Thành ủy thuộc phạm vi dự án, bảo đảm kết nối Internet an toàn, ổn định, thông suốt, đáp ứng nhu cầu khai thác các ứng dụng và hệ thống thông tin phục vụ công tác chuyên môn, lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành.

- Từng bước hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật mạng theo hướng đồng bộ, có khả năng mở rộng và nâng cấp trong tương lai mà không phải thay đổi kiến trúc tổng thể, đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan Đảng giai đoạn 2026–2030.

3. Quy mô:

- Hệ thống Firewall, Thiết bị chuyển mạch phục vụ kết nối Internet có kiểm soát tại Trung tâm dữ liệu Thành ủy và các ban Đảng Thành ủy Hải Phòng.

STT	Tên thiết bị, vật tư	Đơn vị	Số lượng
I	**Thiết bị kết nối Internet có kiểm soát tại các cơ quan đảng trực thuộc Thành ủy**		
1	**Thiết bị tường lửa cho TTDL của Thành ủy**		
1.1	Thiết bị tường lửa cho TTDL của Thành ủy	Bộ	2
1.2	License tường lửa cho TTDL của Thành ủy	License	2
1.3	10GbE Fiber Transceiver Short Range (10 Base-SR)	Cái	4
2	**Thiết bị chuyển mạch lõi**		

STT	Tên thiết bị, vật tư	Đơn vị	Số lượng
2.1	Thiết bị chuyển mạch lõi	Bộ	2
2.2	10GE SR SFP+ MODULE	Cái	48
3	**Thiết bị chuyển mạch nhánh**		
3.1	Thiết bị chuyển mạch nhánh	Bộ	18
3.2	10GE SR SFP+ MODULE	Cái	72
4	**Thiết bị chuyển mạch máy chủ**		
4.1	Thiết bị chuyển mạch máy chủ	Bộ	2
4.2	10GE SR SFP+ MODULE	Cái	8
5	**Thiết bị tường lửa cho các Ban của Thành ủy**		
5.1	Thiết bị tường lửa cho các ban đảng Thành ủy	Bộ	2
5.2	License tường lửa cho các ban đảng của Thành ủy	License	2
5.3	Card nguồn thứ 2	Cái	2
5.4	Card 4x10G SFP+	Cái	2
5.5	Module 10G SFP+ SR chính hãng	Cái	8
6	**Thiết bị chuyển mạch nhánh cho các ban Đảng**		
6.1	Thiết bị chuyển mạch cho các ban đảng Thành uỷ	Bộ	6
6.2	10GE SR SFP+ MODULE	Cái	24
7	Tủ rack mạng 42U	Tủ	1
8	Thanh nguồn PDU	Cái	8
9	Dây cắm nguồn nối giữa thiết bị với PDU	Sợi	100
10	Tủ rack mạng 10U các tầng	Tủ	20
11	Tủ quang ODF 8FO các tầng	Tủ	14
12	Cáp quang thông tầng loại 8FO (Cuộn 2000m)	Cuộn	1
13	Tủ quang ODF 24FO tầng 1	Tủ	1
14	Cáp quang thông tầng loại 8FO (Cuộn 2000m)	Cuộn	1
II	**Hệ thống điều khiển điều hòa tự động**	Trọn gói	
1	Module tự khởi động lại (Auto Restart), điều khiển điều hoà luân phiên tự động	Bộ	1
2	Tủ điều khiển điều hòa luân phiên và giám sát nguồn	Hệ thống	1
III	**Dịch vụ lắp đặt, cài đặt**		
1	Lắp đặt, Cài đặt, cấu hình tích hợp vào hệ thống mạng của Thành ủy: Firewall, Switch	Gói	1

STT	Tên thiết bị, vật tư	Đơn vị	Số lượng
2	Nhân công triển khai thi công hạ tầng mạng tòa nhà Thành Ủy +Tối ưu không gian, dây dẫn tủ mạng tại tầng 1 TTDL Thành ủy + Thi công dây quang, tủ quang 14 tầng tòa nhà + Tách tủ mạng: Thi công lắp đặt di chuyển thiết bị mạng nội bộ và dây mạng sang tủ mới tại 14 tầng	Gói	1
3	Vật tư: Dây mạng cat 5e, hạt mạng, ống bảo vệ, giá treo, dán nhãn, dây thít, dây đai....	Gói	1
4	Đào tạo, hướng dẫn sử dụng	Gói	1

5. Địa điểm thực hiện:

Triển khai tại Thành ủy Hải Phòng (Bao gồm Văn phòng Thành ủy và các ban Đảng Thành ủy Hải Phòng)

6. Thời gian thực hiện: Năm 2026 - 2027.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU BÁO GIÁ DỊCH VỤ TƯ VẤN

(Kèm theo công văn số: /SKHCN-VP ngày tháng năm 2026)

I. Tư vấn quản lý dự án

Đơn vị/tổ chức tư vấn quản lý dự án phải bảo đảm có đủ năng lực, kinh nghiệm phù hợp để thực hiện công tác quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

1. Nhiệm vụ và quyền hạn

Tổ chức tư vấn quản lý dự án thực hiện các nội dung quản lý dự án theo quy định tại Điều 63, Điều 64 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP của Chính phủ và theo phạm vi công việc được chủ đầu tư giao trong hợp đồng tư vấn quản lý dự án.

Tổ chức tư vấn quản lý dự án có trách nhiệm bố trí nhân sự phù hợp, tổ chức bộ máy thực hiện nhiệm vụ; cử người phụ trách trực tiếp công tác quản lý dự án và thông báo bằng văn bản về nhiệm vụ, quyền hạn của người phụ trách, bộ máy tư vấn cho chủ đầu tư và các bên có liên quan theo quy định.

Tổ chức tư vấn quản lý dự án chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ và kết quả thực hiện các công việc thuộc phạm vi hợp đồng; thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung công việc quản lý dự án

Nội dung công việc quản lý dự án bao gồm:

1. Thực hiện các thủ tục và các công việc phục vụ triển khai dự án.

2. Tổ chức lập hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu.

3. Đàm phán, ký kết hợp đồng với các nhà thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư.

4. Quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí triển khai, an toàn phòng, chống cháy, nổ, an toàn vận hành và vệ sinh công nghiệp tại hiện trường.

5. Tổ chức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm của dự án (đối với dự án đầu tư hệ thống chuyển đổi số và dự án mua sắm chuyển đổi số); tổ chức nghiệm thu, đưa dịch vụ công nghệ số vào sử dụng, nghiệm thu, bàn giao sau khi kết thúc thời gian thuê dịch vụ công nghệ số (đối với dự án thuê dịch vụ công nghệ số); thanh toán, quyết toán, thanh lý hợp đồng đã ký kết theo yêu cầu của chủ đầu tư.

6. Lập báo cáo quyết toán khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng.

7. Thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến quản lý đầu tư chuyển đổi số.

II. Tư vấn khảo sát và lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

Thực hiện công tác khảo sát và lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án "Trang bị đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với đường truyền kết nối mạng có băng thông rộng, thực hiện kết nối Internet có kiểm soát tại cấp tỉnh và từng bước thực hiện tại cấp xã (Đầu tư thiết bị kết nối Internet có kiểm soát tại các cơ quan đảng trực thuộc Thành ủy, giai đoạn 1)" theo quy định tại Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số và các quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm đầy đủ nội dung, thành phần hồ sơ và yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

Nội dung công việc cụ thể như sau:

1. Công tác khảo sát phục vụ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

a) Nghiên cứu, xây dựng phương án khảo sát: Thu thập, nghiên cứu hồ sơ, tài liệu có liên quan; xác định nội dung, phạm vi và phương pháp khảo sát phù hợp với mục tiêu, quy mô và yêu cầu của dự án.

b) Lập mẫu phiếu khảo sát: Xây dựng mẫu phiếu khảo sát phục vụ thu thập thông tin, số liệu về hiện trạng và nhu cầu đầu tư.

c) Thực hiện khảo sát: Khảo sát, đánh giá hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị, phần mềm, điều kiện kết nối và các yếu tố có liên quan tại các địa điểm thuộc phạm vi đầu tư của dự án, làm cơ sở lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

d) Rà soát, hoàn thiện kết quả khảo sát: Tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin, số liệu thu thập được; lập và hoàn thiện báo cáo kết quả khảo sát cùng các tài liệu có liên quan phục vụ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

2. Công tác lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

Lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án trên cơ sở kết quả khảo sát, mục tiêu, quy mô và phạm vi đầu tư được xác định. Cấu trúc, nội dung và thành phần hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 224/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Đơn vị tư vấn có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thẩm tra, thẩm định; thực hiện giải trình, tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo yêu cầu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

III. Tư vấn thẩm tra Báo cáo Kinh tế- Kỹ thuật

Tổ chức, cá nhân tham gia thẩm tra phải bảo đảm đủ năng lực, kinh nghiệm phù hợp để thực hiện thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án.

Đơn vị tư vấn có trách nhiệm thực hiện thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án "Trang bị đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với đường truyền kết nối mạng có băng thông rộng, thực hiện kết nối Internet có kiểm soát tại cấp tỉnh và từng bước thực hiện tại cấp xã (Đầu tư thiết bị kết nối Internet có kiểm soát tại các cơ quan đảng trực thuộc Thành ủy, giai đoạn 1)". Nội dung thẩm tra thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 50 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ, bao gồm:

a) Sự tuân thủ các quy định về hồ sơ trình thẩm định dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

b) Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Sự phù hợp của nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật với các quy định của pháp luật về đầu tư công và Điều 45 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP.

d) Sự phù hợp của thiết kế chi tiết về thành phần, quy cách hồ sơ thiết kế; việc tuân thủ Khung kiến trúc số có liên quan; sự phù hợp của phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị; khả năng kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu; việc đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu về chức năng, tính năng kỹ thuật, an toàn vận hành và các nội dung khác theo quy định.

đ) Sự tuân thủ các quy định về xác định tổng mức đầu tư; sự phù hợp của các khoản mục chi phí với nội dung, yêu cầu của dự án; cơ cấu nguồn vốn và khả năng cân đối vốn thực hiện dự án.

Đơn vị tư vấn có trách nhiệm lập báo cáo kết quả thẩm tra, nêu rõ kết quả đánh giá, các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung và kiến nghị (nếu có), phục vụ công tác thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định.

IV. Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT

Lập hồ sơ mời thầu; hoàn thiện hồ sơ mời thầu theo kết quả thẩm định, phê duyệt; đánh giá hồ sơ dự thầu; lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu và thực hiện các công việc có liên quan thuộc trách nhiệm của đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

V. Tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định KQLCNT

Thẩm định hồ sơ mời thầu, lập báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, lập báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu

và thực hiện các công việc có liên quan thuộc trách nhiệm của đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

VI. Tư vấn giám sát công tác triển khai

Đơn vị thực hiện báo giá cần bảo đảm thực hiện các nội dung tư vấn giám sát công tác triển khai như sau:

- Thực hiện giám sát công tác triển khai theo đúng quy định tại Thông tư số 41/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết về phát triển thử nghiệm trong chuyển đổi số và quản lý chất lượng các hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước. Cụ thể như sau:

1. Kiểm tra các điều kiện để triển khai:

a) Kiểm tra bảo đảm có mặt bằng triển khai, các yếu tố kỹ thuật có liên quan;

b) Kiểm tra bảo đảm có hợp đồng triển khai đã được ký kết;

c) Kiểm tra bảo đảm có hồ sơ thiết kế chi tiết đã được phê duyệt (nếu có);

d) Kiểm tra biện pháp an toàn vận hành, phòng, chống cháy, nổ (nếu có);

đ) Lập biên bản kiểm tra điều kiện để triển khai theo Mẫu số 5 Phụ lục II của Thông tư số 41/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Kiểm tra sự phù hợp về năng lực của nhà thầu triển khai so với hợp đồng:

a) Kiểm tra về nhân lực triển khai của nhà thầu triển khai tại hiện trường nhằm bảo đảm đúng nhân lực nhà thầu triển khai cam kết trong hợp đồng và các công việc nhân lực đó đảm nhận theo đúng nhiệm vụ được phân công;

b) Kiểm tra về các yêu cầu năng lực khác có nêu trong hợp đồng triển khai;

c) Lập biên bản kiểm tra sự phù hợp về năng lực của nhà thầu triển khai so với hợp đồng theo Mẫu số 5 Phụ lục II của Thông tư số 41/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Kiểm tra sự phù hợp của thiết bị phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị không phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị phụ trợ, thiết bị ngoại vi, phần mềm thương mại và dịch vụ hỗ trợ đi kèm, phần mềm phổ biến và các sản phẩm, thiết bị khác

a) Kiểm tra về số lượng, hình thức vật lý bên ngoài của các thiết bị phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị không phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị phụ trợ, thiết bị ngoại

vi và các sản phẩm, thiết bị khác; kiểm tra các căn cứ để chứng minh bản quyền (nếu có) của phần mềm thương mại và dịch vụ hỗ trợ đi kèm, phần mềm phổ biến (tính hợp pháp, số lượng);

b) Kiểm tra chứng chỉ, chứng nhận và các thông tin, tài liệu có liên quan tới thiết bị phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị không phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị phụ trợ, thiết bị ngoại vi, phần mềm thương mại và dịch vụ hỗ trợ đi kèm, phần mềm phổ biến và các sản phẩm, thiết bị khác trước khi đưa vào triển khai;

c) Kiểm tra các thông số kỹ thuật của các thiết bị phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị không phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị phụ trợ, thiết bị ngoại vi và các sản phẩm, thiết bị khác so với các thông tin ghi trong hợp đồng và thiết kế chi tiết được duyệt (nếu có) trước khi đưa vào triển khai;

d) Khi có nghi ngờ đối với thiết bị phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị không phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị phụ trợ, thiết bị ngoại vi, phần mềm thương mại và dịch vụ hỗ trợ đi kèm, phần mềm phổ biến và các sản phẩm, thiết bị khác, đơn vị giám sát công tác triển khai phải phối hợp với chủ đầu tư thực hiện kiểm tra trực tiếp thiết bị phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị không phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị phụ trợ, thiết bị ngoại vi, phần mềm thương mại và dịch vụ hỗ trợ đi kèm, phần mềm phổ biến và các sản phẩm, thiết bị khác được lắp đặt, cài đặt trong dự án. Trường hợp các thiết bị phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị không phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị phụ trợ, thiết bị ngoại vi, phần mềm thương mại và dịch vụ hỗ trợ đi kèm, phần mềm phổ biến và các sản phẩm, thiết bị khác không phù hợp với hợp đồng và thiết kế chi tiết được duyệt (nếu có), đơn vị giám sát công tác triển khai báo cáo chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu triển khai đưa ra khỏi khu vực triển khai;

đ) Lập biên bản kiểm tra thiết bị phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị không phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị phụ trợ, thiết bị ngoại vi, phần mềm thương mại và dịch vụ hỗ trợ đi kèm, phần mềm phổ biến và các sản phẩm, thiết bị khác trước khi lắp đặt, cài đặt theo Mẫu số 5 Phụ lục II của Thông tư số 41/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Giám sát trong quá trình triển khai

a) Kiểm tra và giám sát quá trình nhà thầu triển khai thực hiện các công việc tại địa điểm triển khai;

b) Kiểm tra việc bảo vệ phần cứng, vật tư, thiết bị, phần mềm được lắp đặt, cài đặt trong vùng, khu vực, địa điểm triển khai của dự án (nếu có). Trong trường hợp xảy ra hư hại, hỏng hóc, ảnh hưởng tới vùng, khu vực, địa điểm triển khai, đơn vị giám sát công tác triển khai báo cáo chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu triển khai

lập biên bản hiện trường theo Mẫu số 4 Phụ lục II của Thông tư số 41/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai (nếu có);

d) Đề nghị chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh thiết kế chi tiết khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế chi tiết (nếu có);

đ) Tham gia nghiệm thu kỹ thuật; nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án.

5. Giám sát khối lượng triển khai

a) Giám sát khối lượng triển khai theo hợp đồng triển khai và thiết kế chi tiết được phê duyệt (nếu có);

b) Xác nhận khối lượng triển khai do nhà thầu triển khai đã hoàn thành, đối chiếu với hợp đồng triển khai và thiết kế chi tiết được duyệt (nếu có), bao gồm cả trường hợp thay đổi về khối lượng, chất lượng trong quá trình triển khai theo quy định tại điểm a, b khoản 6 Điều 7 của Thông tư số 41/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

6. Giám sát tiến độ triển khai

a) Theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện;

b) Đề xuất với chủ đầu tư, nhà thầu triển khai và các bên liên quan điều chỉnh tiến độ thực hiện;

c) Đề xuất chủ đầu tư xem xét phạt vi phạm, yêu cầu nhà thầu triển khai bồi thường thiệt hại khi kéo dài tiến độ thực hiện gây thiệt hại cho chủ đầu tư theo thỏa thuận trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu triển khai.

7. Giám sát các thay đổi trong quá trình triển khai (nếu có). Trong quá trình triển khai, trường hợp phát hiện những yếu tố bất hợp lý hoặc xuất hiện yếu tố mới nếu không thay đổi thiết kế chi tiết sẽ ảnh hưởng đến chất lượng đầu tư của dự án, tiến độ triển khai, biện pháp triển khai và hiệu quả đầu tư của dự án, đơn vị giám sát công tác triển khai báo cáo chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu triển khai lập biên bản hiện trường theo Mẫu số 4 Phụ lục II của Thông tư này.

8. Các nội dung giám sát công tác triển khai khác theo hợp đồng giám sát công tác triển khai (nếu có).

9. Đơn vị giám sát công tác triển khai có trách nhiệm lập Báo cáo kết quả giám sát công tác triển khai gửi chủ đầu tư theo Mẫu số 2 Phụ lục II của Thông tư số 41/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

VII. Thẩm định giá

Thực hiện thẩm định giá đối với tài sản thuộc phạm vi nhiệm vụ mua sắm hang hoá theo hồ sơ, tài liệu được cung cấp và quy định của pháp luật về thẩm định giá.

PHỤ LỤC 3. MẪU BẢNG BÁO GIÁ

BẢNG BÁO GIÁ [TÊN DANH MỤC DỊCH VỤ]

(Kèm theo công văn số: /SKHCN-VP ngày tháng năm 2026)

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng

Tên đơn vị báo giá: .....

Địa chỉ: .....

Mã số thuế: .....

Điện thoại/Email:.....

Trên cơ sở nội dung đề nghị cung cấp báo giá tại Công văn số ……/SKHCN-VP ngày …… tháng …… năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng, sau khi nghiên cứu thông tin về nhiệm vụ và phạm vi công việc theo yêu cầu, [Tên đơn vị báo giá] gửi báo giá đối với dịch vụ [Tên dịch vụ tư vấn] thuộc nhiệm vụ "Trang bị đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với đường truyền kết nối mạng có băng thông rộng, thực hiện kết nối Internet có kiểm soát tại cấp tỉnh và từng bước thực hiện tại cấp xã (Đầu tư thiết bị kết nối Internet có kiểm soát tại các cơ quan đảng trực thuộc Thành ủy, giai đoạn 1)", với nội dung cụ thể như sau:

TT	***Khoản mục chi phí***	***Diễn giải***	***Thành tiền (đồng)***
1	***Chi phí nhân công/chuyên gia tư vấn***	*Theo số công, khối lượng và đơn giá cụ thể; trường hợp không bóc tách được thì báo giá trọn gói nhưng phải rõ nội dung công việc*	
2	***Chi phí khác***	*Theo số công, khối lượng cụ thể và đơn giá cụ thể; trường hợp không bóc tách được thì báo giá trọn gói nhưng phải rõ nội dung công việc*	
3	***Chi phí chung***	*Chi phí liên quan đến tiền lương của bộ phận quản lý, chi phí duy trì hoạt động của tổ chức*	
4	***Thu nhập chịu thuế tính trước***	*Khoản lợi nhuận hợp lý do tổ chức, cá nhân đề xuất*	
5	***Thuế và phí liên quan***	*Diễn giải chi tiết từng chi phí*	
	Tổng cộng	***(1)+(2)+(3)+(4)+(5)***	

(*Bằng chữ:*.....)

Cam kết của đơn vị:

- Giá trị báo giá nêu trên đã bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí và các chi phí cần thiết để hoàn thành công việc theo yêu cầu.

- Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký.

- Chúng tôi cam kết đáp ứng đầy đủ năng lực, nhân sự và tiến độ thực hiện theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng.

Trân trọng!

....., ngày ..... tháng ..... năm 2026

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)